

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HS-ST
Ngày: 24-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hữu
2. Ông Nguyễn Viết Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lệ Huyền là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Công và bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1978, tại Kiên Giang; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi thường trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh KG; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Thợ chăm sóc cây kiểng; Cha: Nguyễn Văn L; Mẹ: Dương Thị K; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Vợ: Trương Thị Ngọc T (đã ly hôn); Có 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân Thân: Ngày 19/9/2014, Nguyễn Đức T bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh KG xử phạt 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 68/2014/HSST ngày 19 tháng 9 năm 2014; Tạm giữ; Tạm giam: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cầm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị hại:***

1. Lê Bảo C, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 217, ấp T, xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Duy M, sinh năm 1966; (có mặt)

Địa chỉ: Số 243, Quốc lộ 30, ấp A, xã A, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trương Vĩnh T, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 107, đường NT, khóm 3, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ngô Kỳ P, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, khóm 1, Phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Tống Thị Ú, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 14, ấp 1, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyễn Minh T (M), sinh năm 1977; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 130/1, đường N, tổ 18, khóm M, phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Nguyễn Trung N, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: Số 687, NHK, ấp H, xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T làm nghề chăm sóc mai kiểng mở cơ sở “TĐ” tại ấp H, xã H, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Từ tháng 02/2021 T nhận chăm sóc mai của Lê Bảo C, Nguyễn Duy M, Nguyễn Minh T, Ngô Kỳ P, Trương Vĩnh T, Tống Thị Ú được trả tiền công theo thỏa thuận miệng. Sau khi nhận mai mang về cơ sở, T không có tiền tiêu xài và nợ tiền nhiều người nên nảy sinh ý định chiếm đoạt các cây mai nhận chăm sóc bán cho người khác lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngày 02/11/2021, T nói dối với Nguyễn Trung N với nội dung tất cả số mai trong vườn là của T cần bán, N tưởng thật nên ký hợp đồng mua toàn bộ các cây mai trong cơ sở TĐ với số tiền 130.000.000 đồng, T tự bán những cây mai này nhưng không hỏi ý kiến những người gửi mai cho T, trong đó có 36 cây mai bông vàng của các bị hại gửi T chăm sóc. T đã chiếm đoạt của từng bị hại như sau:

1. Lê Bảo C 05 cây mai: 01 cây mai vàng hoành gốc 33 cm; hoành đế 85 cm; 01 cây mai hoành gốc 35 cm hoành đế 95cm; 01 cây mai hoành gốc 39 cm hoành đế 90cm; 01 cây mai hoành gốc 44 cm hoành đế 149cm; 01 cây mai hoành gốc 55 cm hoành đế 150cm. Đến ngày 04/11/2021, C phát hiện T đã bán 05 cây mai kiếng của C gửi nên tố giác hành vi của Nguyễn Đức T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Lãnh. Tổng số tiền chiếm đoạt theo kết luận định giá 05 cây là 31.500.000 đồng.

2. Nguyễn Duy M bị chiếm đoạt 09 cây mai bông vàng gồm: 01 cây mai hoành gốc 58 cm hoành đế 150 cm; 01 cây mai hoành gốc 37 cm hoành đế 150 cm; 01 cây mai hoành gốc 22 cm hoành đế 105 cm; 01 cây mai hoành gốc 16 cm hoành đế 77 cm; 01 cây mai hoành gốc 39 cm hoành đế 150 cm; 01 cây mai hoành gốc 30 cm hoành đế 114 cm; 01 cây mai hoành gốc 15 cm cao 60 cm; 01 cây mai hoành gốc 12 cm cao 50 cm; 01 cây mai hoành gốc 24 cm cao 110 cm. Tổng số tiền chiếm đoạt theo kết luận định giá là 22.700.000 đồng.

3. Nguyễn Minh T bị chiếm đoạt 17 cây mai bông vàng gồm: 01 cây mai hoành gốc 25 cm hoành đế 90 cm; 01 cây mai hoành gốc 20 cm hoành đế 90 cm; 01 cây mai hoành gốc 25 cm hoành đế 128 cm; 01 cây mai hoành gốc 21 cm hoành đế 74 cm; 01 cây mai có đặc điểm hoành gốc 27 cm hoành đế 86 cm; 01 cây mai hoành gốc 34 cm hoành đế 117 cm; 01 cây mai hoành gốc 35 cm hoành đế 110 cm; 01 cây mai hoành gốc 23 cm hoành đế 58 cm; 01 cây mai hoành gốc 43 cm hoành đế 150 cm; 01 cây mai hoành gốc 23 cm hoành đế 75 cm; 01 cây mai hoành gốc 27 cm, hoành đế 77 cm; 01 cây mai hoành gốc 23 cm hoành đế 71 cm; 01 cây mai hoành gốc 31 cm hoành đế 95 cm; 01 cây mai hoành gốc 26 cm hoành đế 100 cm; 01 cây mai hoành gốc 19 cm; 01 cây mai hoành gốc 51 cm hoành đế 170 cm; 01 cây mai hoành gốc 43 cm hoành đế 220 cm. Tổng số tiền chiếm đoạt theo kết luận định giá 50.400.000 đồng.

4. Ngô Kỳ P bị chiếm đoạt 02 cây mai bông vàng gồm: 01 cây mai hoành gốc 26 cm; 01 cây mai hoành gốc 34 cm, hoành đế 56 cm. Tổng số tiền chiếm đoạt theo kết luận định giá 9.500.000 đồng.

5. Trương Vĩnh T bị chiếm đoạt 02 cây mai bông vàng gồm: 01 cây mai hoành gốc 37 cm; 01 cây mai hoành gốc 24 cm hoành đế 118 cm. Tổng số tiền chiếm đoạt theo kết luận định giá 4.500.000 đồng

6. Tống Thị Ú bị chiếm đoạt 01 cây mai bông vàng hoành gốc 28 cm hoành đế 88 cm, số tiền chiếm đoạt theo kết luận định giá 3.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Lãnh đã thu giữ được tổng cộng 36 cây mai bông vàng đã bị T chiếm đoạt như nội dung trên.

Theo kết luận định giá tài sản số 303/KL-HĐĐGTS ngày 17/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cao Lãnh kết luận 35 cây mai bông màu vàng có giá là 118.600.000 đồng. Theo kết luận định giá tài sản số 188/KL-HĐĐGTS ngày 25/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cao Lãnh kết luận 01 cây mai bông màu vàng có giá là 3.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền chiếm đoạt 36 cây mai của 06 bị hại là 121.600.000 đồng. Hiện số mai bông vàng sau khi định giá đã trả lại cho các bị hại xong, không có ai yêu cầu bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Đối với anh Nguyễn Trung N khi mua cây mai không biết do T phạm tội mà có, trong quá trình điều tra đã thu hồi trả lại cho các bị hại 36 cây mai. Anh N yêu cầu T bồi thường số cây mai bông vàng N mua bị thu hồi số tiền 100.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung đã nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số 53/CT-VKS-TPCL ngày 28 tháng 7 năm 2022, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T, về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu và thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo khai nhận bị cáo làm nghề chăm sóc cây cảnh nên được các bị hại tin tưởng giao cho bị cáo 36 cây mai vàng để chăm sóc nhưng do không có tiền tiêu xài và trả nợ, bị cáo đã đem 36 cây mai bán cho anh Nguyễn Trung N với giá 130.000.000 đồng. Bị cáo thống nhất với kết luận của cơ quan chuyên môn 36 cây mai vàng bị cáo chiếm đoạt có giá 121.600.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Trung N số tiền 100.000.000 đồng, bị cáo có nhận của ông Nguyễn Duy M số tiền 25.000.000 đồng để hùn mua mai nay bị cáo đồng ý trả cho ông M số tiền 25.000.000 đồng.

Bị hại ông Nguyễn Duy M trình bày: Ông M đã nhận lại 09 cây mai không có yêu cầu gì khác. Đối với số tiền 25.000.000 đồng ông M đưa cho bị cáo để hùn mua mai, nay ông M yêu cầu bị cáo trả lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Trung N trình bày: Khi mua 36 cây mai của bị cáo, anh N không biết số mai trên là do bị cáo chiếm đoạt của các bị hại, 36 cây mai trong vườn anh N quản lý đã được thu hồi trả lại cho các bị hại nên anh N yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh N số tiền 100.000.000 đồng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T, phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Đức T bồi thường cho anh Nguyễn Trung N số tiền 100.000.000 đồng và trả cho ông Nguyễn Duy M số tiền 25.000.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận hay bào chữa gì đối với lời luận tội của Kiểm sát viên; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Lãnh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại Lê Bảo C, Nguyễn Duy M, Nguyễn Minh T, Ngô Kỳ P, Trương Vĩnh T và Tống Thị Ú đã gửi 36 cây mai bông vàng tại cơ sở “TĐ” thuộc ấp H, xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp để bị cáo chăm sóc, nhưng do không có tiền tiêu xài và trả nợ nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, bằng việc thực hiện hợp đồng mua bán số cây mai nêu trên cho anh Nguyễn Trung N vào ngày 02/11/2021, với giá 130.000.000 đồng.

Theo kết luận giám định của cơ quan chuyên môn 36 cây mai bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị là 121.600.000 đồng.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nghề nghiệp là thợ chăm sóc cây cảnh, bị cáo có thể lao động tạo ra thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và chăm sóc gia đình, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài và trả nợ mà không cần phải lao động vất vả, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của các bị hại để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật, bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” lẽ ra bị cáo phải biết sửa chữa lỗi lầm, làm lại cuộc đời nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp của bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Từ những phân tích nêu trên, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Điều 175. Bộ luật hình sự, quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm

đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

- Về tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi 36 cây mai bị cáo chiếm đoạt và đã trả lại cho các bị hại xong. Các bị hại không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với anh Nguyễn Trung N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 100.000.000 đồng, ông Nguyễn Duy M yêu cầu bị cáo trả số tiền hùn vốn mua mai 25.000.000 đồng. Bị cáo thống nhất bồi thường cho anh N số tiền 100.000.000 đồng, trả cho ông M số tiền 25.000.000 đồng. Hội đồng ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo, buộc bị cáo bồi thường cho anh N số tiền 100.000.000 đồng và trả cho ông M 25.000.000 đồng.

[7] Quan điểm trình bày luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh và hình phạt là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Trung N là người đã mua 36 cây mai bông vàng do bị cáo chiếm đoạt của người khác. Nghĩa không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét xử lý trách nhiệm. Vấn đề này, đã được xử lý trong quá trình điều tra, truy tố nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T, phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đức T bồi thường cho anh Nguyễn Trung N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và trả cho ông Nguyễn Duy M số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND TP. Cao Lãnh;
- Cơ quan điều tra CA TP. Cao Lãnh;
- Nhà tạm giữ CA TP. Cao Lãnh;
- Cơ quan THAHS CA TP. Cao Lãnh;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Ong Thị Ngọc Tâm

